

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 428/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Si Ma Cai đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Si Ma Cai tại Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 26/12/2010; Tờ trình số 654/TTr-SKH ngày 30/12/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế phải gắn với giảm nghèo bền vững, phải đi đôi với phát triển văn hóa, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, giải quyết các chính sách dân tộc, các vấn đề an sinh xã hội; đồng thời kết hợp với việc tăng cường ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh.

2. Lấy nông, lâm nghiệp làm trọng tâm để phát triển kinh tế; đồng thời đẩy mạnh phát triển dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tạo động lực trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện một cách bền vững.

3. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai, của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

4. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển nông, lâm nghiệp, quan tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp và xây dựng; từng bước khai thác có hiệu quả tiềm năng về du lịch sinh thái; thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách dân tộc, miền núi, biên giới; giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội; môi trường sinh thái được bảo vệ; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chính trị ổn định, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

Phấn đấu đưa huyện Si Ma Cai sớm thoát ra khỏi diện huyện nghèo của cả nước, có bước phát triển mới, vững chắc; đồng thời bám sát tốc độ phát triển của cả tỉnh; tránh tụt hậu, quá chênh lệch so với các huyện trong tỉnh cũng như trong vùng.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Mục tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trên địa bàn đạt 15,2%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 12,8%/năm giai đoạn 2016 - 2020;

- Phấn đấu tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 14,8 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 31,5 triệu đồng vào năm 2020;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp. Đến năm 2015, tỷ trọng nông - lâm - thuỷ sản giảm còn 60,05%, công nghiệp - xây dựng đạt 26,15% và dịch vụ đạt 13,8%; đến 2020 cơ cấu tương ứng của các ngành đạt 50,85% - 24,15% - 25,0%.

2.2. Mục tiêu xã hội, quốc phòng - an ninh:

- Về dân số, lao động, việc làm, giảm nghèo: Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số từ 2,25%/năm 2010 xuống còn 1,8%/năm vào năm 2015 và còn 1,6%/năm vào năm 2020; tỷ lệ giảm sinh đạt 17% vào năm 2015 và 15,5% vào năm 2020. Đến năm 2020, quy mô dân số của huyện khoảng 38.700 người. Phấn đấu tạo việc làm mới bình quân cho 600 lao động/năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và 800 lao động/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho người lao động, đến năm 2015 có tỷ lệ 45% và đến năm 2020 có 60% số lao động qua đào tạo, tập huấn nghề. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 6 - 7%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và giảm bình quân 5% năm trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Về giáo dục: Đến năm 2015, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường mẫu giáo đạt 95%, tiểu học đạt 99,5%, trung học cơ sở đạt 99%; tỷ lệ học sinh vào các

trường trung học phổ thông đạt 45%; đến năm 2020, các chỉ tiêu tương ứng là 98%; 100%; 100%; 50%. Phấn đấu 90% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia đào tạo nghề và học trung học chuyên nghiệp. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, phấn đấu đến năm 2015 đạt trên chuẩn với mầm non là 50%, tiểu học là 65%, trung học cơ sở là 70%. Đến năm 2020, các chỉ tiêu này tương ứng là 55%, 80%, 85%. Đến năm 2015, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 33% và đến năm 2020 đạt 50%.

- Về y tế: Các cơ sở y tế xã đáp ứng yêu cầu theo dõi và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân với 100% xã đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015. Y tế huyện được kiện toàn đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân trong huyện, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn 24% vào năm 2015 và còn 20% vào năm 2020. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Không ngừng nâng cao mức hưởng thụ về đời sống văn hóa, thông tin, thể thao cho người dân.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện: 90% số hộ được dùng điện lưới vào năm 2015 và trên 95% vào năm 2020; 100% số xã có đường đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông vào năm 2015; 100% số thôn có đường xe ô tô đi được, trong đó có 50% số thôn có đường được rải mặt cấp phối, kiên cố và tỷ lệ này đạt 75% vào năm 2020. Tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt trên 85% địa bàn dân cư vào năm 2015; đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 100%.

- Về môi trường: Nâng độ che phủ rừng lên 38,1% vào năm 2015 và 39% vào năm 2020; bảo vệ tốt môi trường ở: Trung tâm huyện, các trung tâm cụm xã, các khu dân cư, các khu vực sản xuất tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển; kết hợp khai thác du lịch sinh thái với bảo tồn sinh học rừng, ngăn ngừa biến đổi khí hậu.

- Về xây dựng nông thôn mới: Phấn đấu đến năm 2015 có 02 xã và đến năm 2020 có tổng số 06 xã đạt tiêu chí về nông thôn mới.

- Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại: Bảo vệ vững chắc đường biên, mốc giới quốc gia, xây dựng, củng cố tuyến phòng thủ huyện vững mạnh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường hợp tác với huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc trong các lĩnh vực trên cơ sở thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Đối với ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

a) Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Phấn đấu tốc độ phát triển bình quân giá trị gia tăng nông, lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 đạt 12,1%/năm. Trong đó nông nghiệp tăng 10,97%/năm, lâm nghiệp tăng 20,82%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Phấn đấu tốc độ phát triển bình quân giá trị gia tăng nông, lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8,74%/năm. Trong đó nông nghiệp tăng 7,75%/năm, lâm nghiệp tăng 14,04%/năm, thủy sản tăng 24,19%/năm.

b) Phương hướng phát triển:

- Tập trung phát triển sản xuất lương thực để đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh việc chuyển đổi sản xuất nông, lâm nghiệp sang sản xuất hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển nông nghiệp hàng hoá gắn liền với hình thành các tiểu vùng chuyên canh những sản phẩm mũi nhọn, có tiềm năng của huyện như cây lúa đặc sản, ngô hàng hóa, đậu tương, lạc, rau, thuốc lá, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, đặc sản, sạch, an toàn có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng.

- Phát triển cân đối giữa chăn nuôi với trồng trọt, giữa nông nghiệp với lâm nghiệp trên cơ sở khai thác lợi thế của từng ngành và mối quan hệ giữa các ngành để nâng cao hiệu quả sản xuất

- Phát triển nông, lâm nghiệp của huyện gắn liền với phát triển các ngành nghề nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản (sử dụng các dây truyền, thiết bị công nghệ mới quy mô nhỏ và vừa) tạo việc làm và tăng thêm giá trị của các sản phẩm.

- Gắn nông, lâm nghiệp với du lịch, để một mặt tạo sức hấp dẫn cho du lịch, mặt khác tạo thị trường tiêu thụ nông sản phẩm. Nhờ đó, thực hiện phân công lại lao động trong nông thôn, khai thác tối đa các tiềm năng của huyện, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất: Chọn lọc và đưa giống cây, con có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng vào sản xuất.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp, trong đó ưu tiên về giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến lâm, kiên cố hoá kênh mương, chính sách trợ cước, trợ giá và tiêu thụ sản phẩm, trợ cước vận chuyển vật tư, phân bón... trong sản xuất nông nghiệp.

2. Ngành công nghiệp - xây dựng

a) Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu đưa giá trị gia tăng (VA) ngành công nghiệp - xây dựng (CN-XD) tăng bình quân trên 25,16/năm; đối với ngành công nghiệp, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GTSX đạt trên 51%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đưa VA ngành CN- XD tăng bình quân trên 8,7%/năm; đối với ngành công nghiệp, phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) đạt trên 7,4%/năm.

b) Phương hướng phát triển:

- Tập trung phát triển các ngành có tiềm năng như chế biến nông, lâm sản; khai thác đá, cát xây dựng, sản xuất gạch không nung; nghiên cứu đầu tư, khai thác thủy điện Pa Ke xã Sán Chải; cơ khí chế biến và sửa chữa nông cụ nhằm khai thác các nguồn lực, tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống; trong đó tập trung xây dựng 2 làng nghề truyền thống dệt, thêu ở xã Cán Cấu và sản xuất ngói máng ở xã Sín Chéng. Chủ động tìm các ngành nghề thủ công mới nhằm phát triển các ngành nghề trên địa bàn huyện.

- Xây dựng cơ chế hợp lý, khai thác các nguồn lực bên ngoài hình thành các cụm tiểu thủ công nghiệp tập trung quy mô nhỏ, trước tiên là cụm tiểu thủ công nghiệp Si Ma Cai và cụm TTCN Nàn Sán;

- Phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh (kinh tế hộ, kinh tế tư nhân, kinh tế HTX) để phát triển công nghiệp, TTCN và xây dựng.

3. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ

a) Mục tiêu phát triển:

Phấn đấu mức tăng trưởng giá trị gia tăng ngành dịch vụ đạt 13,3%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và đạt 31,4%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Phương hướng phát triển dịch vụ thương mại:

- Chuyển mạnh các ngành dịch vụ sang kinh tế thị trường theo hướng đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ và đa thành phần kinh tế.

- Coi trọng và tạo điều kiện cho các dịch vụ tư nhân phát triển theo hướng xã hội hóa các hoạt động dịch vụ, kể cả dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục...; nâng cao vai trò của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong các hoạt động dịch vụ tiêu thụ nông sản và dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Khai thác tối đa các tiềm năng về giao thông cho các hoạt động thương mại, về môi trường sinh thái, các tiềm năng về bản sắc văn hóa vùng cao cho các hoạt động du lịch.

- Gắn các hoạt động dịch vụ của huyện với các hoạt động của các huyện khác và của tỉnh Lào Cai thành hệ thống, nhằm phát huy tối đa các tiềm năng dịch vụ của huyện, nhất là dịch vụ thương mại và du lịch.

- Huy động nguồn lực, tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng việc cung cấp, mở rộng hệ thống các ngành dịch vụ.

+ Dịch vụ thương mại: Xây dựng chợ thị trấn Si Ma Cai đáp ứng thành trung tâm thương mại cấp huyện; trong đó cần tính tới xu hướng phát triển của các hình thức giao dịch thương mại tương lai, thương mại gắn với các dịch vụ khác. Đầu tư mở rộng các chợ Cán Cấu, Sín Chéng; nâng cấp chợ Cốc Cù, chợ Bến Mảng; đầu tư mới các chợ ở các xã khác nhằm mở rộng các cơ sở dịch vụ thương mại ở các xã, các thôn, bản hình thành các cơ sở kinh doanh thương mại nhỏ, phục vụ nhu cầu tại chỗ của nhân dân; trong đó ưu tiên các xã theo lộ trình đạt tiêu chí về nông thôn mới; mở rộng giao lưu hàng hóa với huyện Mã Quan (Trung Quốc) qua Cửa khẩu phụ Hóa Chu Phùng;

+ Dịch vụ du lịch: Triển khai đầu tư tuyến du lịch huyện Si Ma Cai với lộ trình: Bắc Hà - Cán Cấu - Si Ma Cai - Sín Chéng - Quan Thần Sán - Tả Van Chư - Bắc Hà; trong đó có việc nghiên cứu khai thác tuyến đường thủy từ Cốc Ly - Bản Mế thuộc lòng hồ thủy điện Bắc Hà. Xây dựng hồ Cán Cấu, hồ Bản Mế để hình thành các điểm du lịch trên địa bàn; xây dựng các khách sạn, nhà nghỉ kể cả các cơ sở phục vụ khách lưu trú tại chỗ; các cơ sở phục vụ các món ăn thực; các cơ sở du lịch nhà sàn, làng nghề truyền thống tại Cán Cấu, Si Ma Cai, Sín Chéng.

+ Về dịch vụ vận tải: Tổ chức các cơ sở và phương tiện vận tải tạo việc làm, tăng nguồn thu cho dân cư trong huyện. Triển khai đầu tư bến xe khách trung tâm huyện; đầu tư công trình bến đò kết hợp bến trung chuyển hàng hóa, hành khách khu vực bờ sông Chảy.

+ Về dịch vụ tài chính - ngân hàng: Đẩy mạnh hoạt động của các dịch vụ tài chính, tín dụng, ngân hàng theo xu hướng của kinh tế thị trường để phục vụ nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện.

+ Các hoạt động dịch vụ khác: Tạo điều kiện thuận lợi để dịch vụ bưu chính - viễn thông, dịch vụ y tế, văn hóa phát triển.

4. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục - đào tạo:

* Mục tiêu phát triển:

Đến năm 2015, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường mẫu giáo đạt 95%, tiểu học đạt 99,5%, trung học cơ sở đạt 99%; tỷ lệ học sinh vào các trường trung học phổ thông đạt 45%; đến năm 2020, các chỉ tiêu tương ứng là 98%; 100%; 100%; 50%. Phấn đấu 90% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia đào tạo nghề và học trung học chuyên nghiệp. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, phấn đấu đến năm 2015 đạt chuẩn với mầm non là 50%, tiểu học là 60%, trung học cơ sở là 45%. Đến năm 2020, ba chỉ tiêu này tương ứng là 60%, 80%, 70%. Đến năm 2015, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 33% và đến năm 2020 đạt 50%.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về công tác giáo dục đến mọi người dân trong huyện; tích cực huy động học sinh trong độ tuổi đến trường; duy trì và phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS. Thực hiện tốt đề án phổ cập mầm non trẻ 5 năm tuổi của tỉnh trên địa bàn huyện.

- Bảo đảm đủ trường, lớp và đội ngũ giáo viên cho tất cả các xã trong huyện. Rà soát các điều kiện để chuyển các trường học sang loại hình trường phổ thông dân tộc bán trú; chuyển loại hình trường phổ thông dân tộc nội trú huyện sang loại hình trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo. Phát triển mạnh giáo dục mầm non công lập ở tất cả các xã; đến năm 2015 hoàn thành việc tách các Trường Mầm non xã Sín Chéng và xã Sán Chải (mỗi trường thành hai trường); quan tâm phát triển các nhà trẻ ở tất cả các điểm dân cư. Chú trọng phát triển giáo dục trung học, các lớp dân tộc bán trú trong trường trung học phổ thông. Củng cố và phát triển các loại hình trường, lớp nội trú dân nuôi, các trung tâm học tập cộng đồng.

- Chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, ngành học.

- Lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học các cấp, đáp ứng nhu cầu dạy và học; củng cố hoàn thiện mạng lưới trường lớp hiện có, đầu tư xây dựng thêm trường mới ở những địa phương còn thiếu để có đủ trường lớp theo nhu cầu học tập của học sinh, đảm bảo mỗi xã đều có hệ thống trường hoàn chỉnh từ bậc mầm non đến THCS; phát triển đa dạng các loại hình trường lớp như: Trường dân tộc nội trú, trường bán trú ở xã... để thu hút con em các dân tộc trong xã đến học.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực, xây dựng cảnh quan trường lớp, chú trọng các hoạt động ngoài giờ, văn hoá, văn nghệ - thể dục, thể thao trong trường học.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, phát triển mạnh các mô hình trường lớp nội trú dân nuôi ở tất cả các cấp học, bậc học.

b) Y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 18%/năm; tỷ lệ giảm sinh đạt 17%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 98%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 24%. Đến năm 2020 các mục tiêu phấn đấu đạt được lần lượt là 16%; 15,5%; 99%; 20%.

- Phát triển cơ sở vật chất cho y tế: Đến năm 2020, bệnh viện đa khoa tuyến huyện quy mô đạt quy mô 150 giường bệnh. Đến năm 2015 có 100% Phòng khám đa khoa và Trạm y tế được kiên cố hoá, đảm bảo 100% xã đạt chuẩn y tế quốc gia.

- Đến năm 2015, có trên 80% các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 90%.

- Không để xảy ra và bùng phát các bệnh dịch lớn, không chế bệnh dịch HIV/AIDS, loại trừ các bệnh phổi, bệnh phong và các bệnh truyền nhiễm gây dịch trong cộng đồng dân cư.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Xây dựng hệ thống y tế huyện đủ mạnh để cung cấp các dịch vụ y tế đầy đủ, công bằng, hiệu quả và phát triển; đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân. Từng bước xã hội hoá các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ cộng đồng.

- Nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn thông qua tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và y đức cho cán bộ y tế các tuyến.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh, hệ thống y tế dự phòng, đầu tư trang thiết bị; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính cho các đơn vị y tế công lập; khuyến khích các đơn vị y tế công lập mở rộng hoạt động dịch vụ và tăng cường liên doanh, liên kết.

c) Sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phấn đấu 75% hộ gia đình văn hoá, 55% số thôn đạt tiêu chuẩn. Đến năm 2020 có 90% hộ gia đình văn hoá, 85% số thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Phấn đấu đến năm 2020 có trên 25% dân số tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; 100% số xã, thị trấn đều có diện tích dành cho thể thao; mỗi xã đều có tối thiểu 01 sân luyện tập thể thao.

- Đến năm 2015, phấn đấu 95% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, 85% số hộ được xem chương trình Truyền hình Việt Nam. Đến năm 2020, phấn đấu 100% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, 95% số hộ được xem chương trình Truyền hình Việt Nam.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh công tác sưu tầm, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, nâng cao chất lượng, nội dung phong trào xây dựng gia đình văn hoá, cơ quan văn hoá, khu dân cư văn hoá, xã văn hoá; đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, thông tin truyền thông từ huyện xuống xã với

nhiều hình thức đa dạng phong phú, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa theo tiêu chuẩn xây dựng của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, của tỉnh Lào Cai về xây dựng thiết chế văn hóa đối với cấp huyện (khu văn hóa, nhà luyện tập, thi đấu thể thao, nhà bảo tàng, đài tưởng niệm, khu vui chơi giải trí... ở trung tâm huyện), cấp xã, thôn. Đầu tư xây dựng để đến năm 2015 có trên 45 % số xã có nhà văn hóa cấp xã kiên cố, 70% số thôn có nhà văn hóa cấp thôn; đến năm 2020 có 100% xã, thị trấn và 90% số thôn đều có nhà văn hóa; đồng thời đầu tư thêm những phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho các hoạt động văn hóa các cấp.

- Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; tăng cường xây dựng phong trào thể dục, thể thao, đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động thể dục, thể thao; đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể lực góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục nâng cao thời lượng tiếp sóng, phát sóng Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; thời lượng phát thanh - truyền hình của địa phương, thời lượng bằng tiếng dân tộc nhằm thực hiện tốt hơn nữa vai trò chuyển tải các chủ trương chính sách pháp luật của Trung ương và tỉnh đến với nhân dân, nâng cao đời sống tinh thần và dân trí của nhân dân.

- Tiếp tục nâng cấp Đài Phát thanh, Đài Truyền hình của huyện; trang bị thêm các máy quay kỹ thuật số để tăng chất lượng hình ảnh. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh xây dựng và hoàn chỉnh chương trình Phát thanh - Truyền hình tiếng dân tộc.

- Nâng cấp các Trạm Truyền thanh - Truyền hình xã đã có và xây dựng mới các trạm truyền thanh - truyền hình ở các xã còn lại.

d) Về giảm nghèo, lao động, giải quyết việc làm

* Mục tiêu phát triển:

- Phấn đấu giai đoạn 2011-2015 giảm hộ nghèo bình quân 6,4%/ năm để đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 39% và giai đoạn 2016- 2020 giảm bình quân 5%/ năm, để đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 14%.

- Chuyển đổi cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động ngành nông nghiệp từ 83% năm 2010 xuống còn 75 % vào năm 2015 và còn 60% vào năm 2020. Phấn đấu đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 15% năm 2010 lên thành 45% vào năm 2015 và đạt 60% vào năm 2020.

- Đến năm 2015, 100% các trường mẫu giáo được lắp đặt trang thiết bị vui chơi ngoài trời; 100% các hộ nghèo còn ở nhà tranh tre dột nát được làm nhà theo chính sách.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Triển khai xây dựng, thực hiện đề án Giảm nghèo (2011 - 2015); đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (2011 - 2020), trong đó có dự án Xuất khẩu lao động.
- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công; chính sách bảo trợ xã hội; chính sách giảm nghèo; lao động việc làm; phòng chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
- Hoàn chỉnh đầu tư xây dựng và trang thiết bị, phòng thực hành cho trung tâm dạy nghề của huyện.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Phát triển mạng lưới giao thông

Nâng cấp hệ thống đường giao thông trên địa bàn đồng bộ từ quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, thôn, bản và đường ra biên giới. Phấn đấu đến năm 2015: 100% các tuyến đường đến trung tâm xã, liên xã được đầu tư hoàn chỉnh kiên cố hệ thống thoát nước vĩnh cửu, mặt đường được rải bê tông xi măng hoặc rải nhựa; 100% số thôn, bản có đường ô tô tới thôn; trong đó số thôn có đường được rải mặt cấp phối hoặc kiên cố đạt tỷ lệ 70% vào năm 2015 và 90% vào năm 2020.

Hệ thống đường ngõ xóm, đường đến các khu sản xuất tập trung được đầu tư đảm bảo nhu cầu đời sống, sản xuất trên địa bàn. Cụ thể các loại đường:

- + Hoàn chỉnh đầu tư quốc lộ 4 qua địa bàn huyện, kiến nghị Trung ương tiếp tục bố trí đầu tư nâng cấp 17 km từ trung tâm huyện đến Lùng Phình.
- + Triển khai đầu tư đường tỉnh lộ 159 qua địa bàn huyện dài 18 km.
- + Đường ra biên giới: Đầu tư nâng cấp quyến đường Si Ma Cai - Bến Mảng, chiều dài 11 km đạt tiêu chuẩn đường cấp V; đường Na Cang - Sín Chải xã Si Ma Cai 4 km đường cấp A - GTNT; đường Nàn Sán - Si Ma Cai - Sán Chải 3,5 km, cấp A - GTNT.
- + Đường liên xã, đến trung tâm xã: Đến năm 2014 hoàn chỉnh đầu tư 6 tuyến đường (thuộc dự án AFD): Tổng dài 43 km; đầu tư 4 tuyến khác tổng chiều dài 20 km.
- + Đường liên thôn: Đầu tư nâng cấp 85 tuyến với tổng chiều dài 250 km và 32 chiếc cầu đạt tiêu chuẩn đường cấp A - GTNT trở lên.
- + Đường ngõ xóm: Chính trang, nâng cấp và mở mới tổng số 150 km.
- + Đường ra khu sản xuất tập trung (đồng ruộng): Đầu tư khoảng 500 km đạt tiêu chuẩn đường cấp B - GTNT trở lên.

b) Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước

- Phấn đấu đảm bảo phục vụ nước tưới chủ động cho 85% diện tích ruộng vào năm 2015 và nâng lên thành 95% vào năm 2020. Đầu tư xây dựng mới 8 công trình phục vụ 320 ha ruộng lúa; nâng cấp, mở rộng 70 công trình, đảm bảo ổn định nước tưới cho 820 ha ruộng lúa và một số diện tích trồng màu.

- Đầu tư nâng cấp và làm mới các công trình cấp nước đảm bảo phục vụ đủ nước sinh hoạt cho 85% tổng số hộ trên địa bàn vào năm 2015 và nâng lên thành 95% vào năm 2020. Bố trí đầu tư 43 danh mục công trình cấp nước tập trung hệ tự chảy, phục vụ cho trên 3.600 hộ gia đình và các cơ quan ở xã; đồng thời nghiên cứu xây dựng các công trình “hồ treo” tại những địa bàn đặc biệt khan hiếm nguồn nước về mùa khô để giải quyết nhu cầu nước sinh hoạt cho đồng bào.

- Đầu tư các hệ thống thoát, xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, trước hết là ở khu trung tâm huyện.

c) Phát triển mạng lưới điện

- Mở rộng lưới điện đến các thôn, điểm dân cư chưa có điện để đảm bảo đến năm 2015 tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95%. Đầu tư xây dựng khoảng 40 km đường dây 35 kv, 80 km đường dây 0,4 kv và lắp đặt thêm 25 trạm biến áp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trực, tuyến động lực phát triển kinh tế

- Vùng trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện bao gồm: Thị trấn Si Ma Cai (đô thị loại V vào năm 2015), trung tâm cụm xã Sín Chéng, trung tâm cụm xã Cán Cấu...

- Trục phát triển kinh tế gắn với an ninh - quốc phòng: Theo hướng đường quốc lộ 4, gồm Bản Mế, Nàn sán, Si Ma Cai, Sán Chải, Cán Cấu.

2. Phát triển hệ thống đô thị, bố trí dân cư, nông thôn mới

- Trung tâm huyện Si Ma Cai tiếp tục được mở rộng quy hoạch, xây dựng để thành đô thị loại V, đáp ứng vai trò thị trấn huyện lỵ, phạm vi địa giới thị trấn Si Ma Cai một phần thuộc địa bàn xã Si Ma Cai hiện nay, một phần thuộc xã Sán Chải và một phần thuộc xã Mản Thẩn, tổng diện tích khoảng 750 - 800 ha.

- Nâng cấp, mở rộng trung tâm cụm xã Sín Chéng và trung tâm cụm xã Cán Cấu, diện tích quy hoạch mỗi trung tâm cụm 40 - 50 ha.

- Xây dựng các trung tâm xã còn lại theo định hướng xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung vào đường giao thông liên thôn, hệ thống thuỷ lợi, cấp điện và nước sinh hoạt... tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

3. Phương hướng tổ chức không gian ngành nông, lâm nghiệp

3.1. Về trồng trọt:

- Cây lúa, ngô: Diện tích năm 2015, lúa 1.140 ha, ngô 3.500 ha; đến năm 2020, diện tích ruộng lúa 1.240 ha, ngô 3.600 ha, trồng ở tất cả các xã trong huyện. Riêng vùng lúa đặc sản 300 ha quy hoạch ở các xã Sín Chéng, Nàn Sín, Nàn Sán, Bản Mế.

- Cây đậu tương: Trồng tăng vụ trên đất ruộng lúa và nương ngô 1 vụ ở tất cả các xã trong huyện; diện tích đến năm 2015 là 2.215 ha, phấn đấu đến năm 2020 có 2.500 ha.

- Cây lạc: Diện tích trồng 285 ha vào năm 2015 và 500 ha vào năm 2020. Vùng trồng tập trung ở các xã: Cán Cấu, Sán Chải, Bản Mế, Nàn Sán và Thào Chư Phìn.

- Cây rau, đậu các loại: Diện tích 590 ha vào năm 2015 và 790 ha vào năm 2020, chủ yếu trồng hình thức tăng vụ. Trong đó xây dựng các vùng rau an toàn, sản xuất hàng hóa với quy mô 150 ha vào năm 2015 và lên 300 ha vào năm 2020. Loại rau chủ yếu là các loại cải, su hào, dưa, bí, cây gia vị. Tập trung ở các xã: Si Ma Cai, Lử Thản, Cán Cấu, Cán Hồ, Sán Chải, Quan Thần Sán, Sín Chéng, Nàn Sán.

- Cây thuốc lá: Diện tích ổn định từ năm 2015 là 500 ha; tập trung ở 8 xã: Cán Cấu, Sán Chải, Cán Hồ, Si Ma Cai, Mản Thản, Bản Mế, Nàn Sán, Sín Chéng, Thào Chư Phìn, Nàn Sín. Cây thuốc lá được phát triển tăng vụ trên đất canh tác cây hàng năm, trồng trên đất ruộng 1 vụ và đất nương một vụ.

- Cây ăn quả: Diện tích trồng để đến năm 2015 có 450 ha và đến năm 2020 có tổng số 650 ha. Các loại cây chính gồm cam, quýt, lê (giống địa phương và Tai Nung), mận + mơ (giống địa phương), chuối, dứa và các loại cây ăn quả khác. Định hướng vùng trồng từng loại như sau: Đối với cam, quýt: Tổng diện tích đến năm 2015 có 90 ha và đến năm 2020 có 100 ha. Vùng trồng tập trung ở các xã: Si Ma Cai, Nàn Sán, Bản Mế, Mản Thản, Sín Chéng.

Cây lê, diện tích trồng đến năm 2015 có 140 ha và đến 2020 có 180 ha. Vùng trồng tập trung ở 10/13 xã của huyện (trừ xã Bản Mế, Mản Thản, Sín Chéng).

Cây mận và cây mơ: Cải tạo diện tích hiện có kết hợp trồng mới đến năm 2015 có thêm 5 ha sau đó duy trì diện tích này để thăm canh nâng năng suất, chất lượng. Diện tích trồng chủ yếu ở các xã: Nàn Sán, Thào Chư Phìn, Mản Thản, Cán Hồ, Lùng Sui, Lử Thản, Quan Thần Sán.

Cây chuối: Diện tích đến năm 2015 có 50 ha và đến năm 2020 có 100 ha. Vùng trồng tập trung vùng ven sông Chảy.

Cây dứa: Diện tích từ đến năm 2015 có 50 ha và duy trì diện tích này đến 2020. Vùng trồng nhiều ở các xã: Si Ma Cai, Nàn Sán, Bản Mế, Sán Chải, Sín Chéng, Cán Cấu, Nàn Sín.

3.2. Về chăn nuôi: Chăn nuôi trâu tập trung ở Nàn Sín, Sín Chéng, Mản Thản, Bản Mế, Lử Thản, Cán Cấu; bò tập trung các xã Cán Cấu, Lùng Sui, Thào Chư Phìn, Bản Mế; đàm lợn tập trung các xã: Si Ma Cai, Sán Chải, Bản Mế, Sín Chéng; nuôi gia cầm tập trung ở các xã: Si Ma Cai, Sín Chéng, Bản Mế, Mản Thản, Sán Chải.

3.3. Về lâm nghiệp:

- Căn cứ quy định phát triển lâm nghiệp, kết quả rà soát, phân giới, cắm mốc phân định 3 loại rừng trên địa bàn từng xã để phát triển lâm nghiệp: Bảo vệ tốt diện tích

rừng hiện có 6.266 ha; phần đầu từ 2011 - 2015 trồng mới 1.360 ha rừng (phòng hộ 693 ha, rừng sản xuất 667 ha); từ năm 2016 - 2020 phát triển thêm 943 ha (rừng phòng hộ 200 ha, rừng sản xuất 743 ha).

- Trồng cây phân tán, phần đầu bình quân hàng năm trồng 150 - 200 nghìn cây lâm nghiệp phân tán ở tất cả các xã.

- Đầu tư nâng cấp vườn ươm giống cây lâm nghiệp hiện có tại xã Nàn Sán; xây dựng 03 vườn ươm tại xã: Sín Chéng (quy mô 01 triệu cây/năm), xã Bản Mέ (năng lực 500.000 triệu cây/ năm), xã Cán Cấu (năng lực 500.000 triệu cây/ năm); xây dựng rừng giống trầu 20 ha tại xã Bản Mέ và Mản Thần.

- Xây dựng 02 Trạm Bảo vệ rừng tại Bản Mέ và Quan Thần Sán.

4. Phương hướng tổ chức không gian phát triển công nghiệp, TTCN

- Khai thác khoáng sản: Duy trì cơ sở khai thác chì - kẽm ở xã Bản Mέ; triển khai khai thác sắt tại Sán Chải, Cán Cấu; khai thác cát xây dựng ở xã Bản Mέ; đá ở xã Si Ma Cai, xã Sín Chéng và một số xã khác.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Giai đoạn 2011 - 2015 hình thành các cơ sở sản xuất gạch không nung tại xã Si Ma Cai và xã Sín Chéng, phần đầu sản lượng năm 2015 đạt 2,8 triệu viên, đến giai đoạn 2016 - 2020 mở rộng vùng sản xuất gạch không nung ở tất cả các xã trong huyện; tổ chức, xây dựng làng nghề sản xuất ngói máng ở xã Sín Chéng, sản lượng năm 2015 đạt khoảng 1,8 triệu viên/năm và đến năm 2020 đạt 3 triệu viên/năm phục vụ nhu cầu tại chỗ.

- Chế biến nông, lâm sản: Phát triển ở tất cả các xã trong huyện. Riêng đối với chế biến sản phẩm từ chăn nuôi, bố trí xây dựng các lò mổ tại trung tâm huyện, trung tâm cụm xã Cán Cấu và trung tâm cụm xã Sín Chéng; đồng thời nghiên cứu hình thành các cơ sở chế biến giò, nem, chả, thịt sấy (hun khói) đặc sản có thương hiệu của Si Ma Cai.

- Sản xuất may mặc, cơ khí dân dụng: Phát triển ở quy mô nhỏ, phục vụ nhu cầu tại chỗ, phát triển ở tất cả các xã.

- Sản xuất điện năng: Đến năm 2015 đầu tư xong công trình thủy điện Pa Ke xã Sán Chải công suất thiết kế 20,8 MW.

- Các khu sản xuất TTCN tập trung, tổng hợp tại: Cụm tiểu thủ CN xã Si Ma Cai và cụm TTCN xã Nàn Sán.

5. Quy hoạch mạng lưới cơ sở dịch vụ thương mại

Xây dựng chợ thị trấn Si Ma Cai đáp ứng thành trung tâm thương mại cấp huyện; trong đó cần tính tới xu hướng biến động của các hình thức giao dịch thương mại tương lai, thương mại gắn với các dịch vụ khác; đầu tư mở rộng các chợ Cán Cấu, Sín Chéng; nâng cấp chợ Cốc Cù, chợ Bến Mảng; đầu tư mới các chợ ở các xã khác nhằm mở rộng các cơ sở dịch vụ thương mại ở các xã, các thôn bản hình thành các cơ sở kinh doanh thương mại nhỏ, phục vụ nhu cầu tại chỗ của nhân dân; trong đó ưu tiên các xã theo lộ trình đạt tiêu chí về nông thôn mới.

6. Phương hướng tổ chức không gian phát triển du lịch:

- Phát triển tuyến du lịch Bắc Hà - Cán Cấu - Si Ma Cai - Sín Chéng - Quan Thần Sán - Tả Van Chư - Bắc Hà; trong đó có việc nghiên cứu khai thác tuyến đường thủy từ Cốc Ly - Bản Mê thuộc lòng hồ thủy điện Bắc Hà.

- Xây dựng hồ sinh thái Cán Cấu, hồ Bản Mê để hình thành các điểm du lịch trên địa bàn; xây dựng các khách sạn, nhà nghỉ kề cản các cơ sở phục vụ khách lưu trú tại chỗ; các cơ sở phục vụ các món ẩm thực; các cơ sở du lịch nhà sàn, làng nghề truyền thống tại Cán Cấu, Si Ma Cai, Sín Chéng.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển

- Tăng cường quản lý thu thuế và phí vào ngân sách. Ngoài việc thu theo luật định, cần chống thất thu thuế và phí, nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động và tạo vốn trong huyện, đặc biệt là huy động tối đa nguồn lực sẵn có của huyện và vốn của các doanh nghiệp.

- Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh và Trung ương vào phát triển các ngành quan trọng và có lợi thế.

- Tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất để bổ sung thêm vào nguồn vốn ngân sách thông qua việc thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm TTCN...

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó xác định cơ cấu, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện.

- Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề.

- Trẻ hóa đội ngũ công chức, viên chức, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ....

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là về giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị, dây chuyền công nghệ chế biến để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Cần có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt.

- Chú trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng bao gồm cả rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng kinh tế...; có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất.

- Có quy chế để bảo vệ môi trường đô thị, các khu dân cư tập trung, các cơ sở sản xuất công nghiệp, TTCN.

4. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp như: Khuyến khích đầu tư vào sản xuất giống, phát triển chăn nuôi đại gia súc và cây trồng có giá trị kinh tế cao; khuyến khích đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế rừng.

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như: Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp; khuyến khích đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu ổn định và vững chắc cho công nghiệp chế biến...

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về dân tộc, miền núi; các chính sách về phát triển xã hội như: Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục - đào tạo, y tế, xoá đói giảm nghèo, xây dựng thôn bản, đời sống văn hóa, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới...

- Từng giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020, tiến hành lựa chọn, xây dựng để tổ chức chỉ đạo thực hiện các đề án trọng tâm, trong đó mỗi đề án là một hoặc nhóm các dự án lĩnh vực liên quan.

5. Các giải pháp tăng cường xoá đói, giảm nghèo

- Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.

- Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo tham gia vào thị trường lao động, nhất là xuất khẩu lao động.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng, chống tai nạn xã hội...

6. Giải pháp tăng cường mở rộng hợp tác kinh tế đối ngoại

- Hợp tác trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường. Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch. Hợp tác trong đào tạo nghề cho người lao động.

- Hợp tác trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, cung ứng giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.

7. Tăng cường an ninh - quốc phòng

- Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng - an ninh, nhất là công tác bảo vệ an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; đẩy mạnh phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân; kiên quyết trấn áp và xử lý các loại tội phạm. Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình cơ sở, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân nhằm tạo niềm tin và môi trường xã hội an toàn, trong sạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai đến 2020 cho các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện.

2. Xây dựng chương trình hành động và xúc tiến đầu tư

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các dự án ưu tiên đầu tư trong các dịp mời gọi, xúc tiến đầu tư để các nhà đầu tư tìm đến và đầu tư.

- Xây dựng một số chương trình sản phẩm chủ lực và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân. Đồng thời có các chính sách thực sự khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực.

- Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, hàng năm của huyện để thực hiện. Tùy theo sự thay đổi của tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch kịp thời cho phù hợp với quá trình phát triển.

Điều 2. Giao UBND huyện Si Ma Cai căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, thị trấn; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, hỗ trợ UBND huyện Si Ma Cai nghiên cứu lập các quy hoạch nêu tại Điều 1 Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Si Ma Cai trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Si Ma Cai đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Si Ma Cai; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU
ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SI MA CAI ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ
A	ĐẦU TƯ SẢN XUẤT	
I	Nông, lâm nghiệp	
1	Hỗ trợ hộ nghèo về đất sản xuất	13 xã trong huyện
2	Hỗ trợ cải tạo nương bậc thang	13 xã trong huyện
3	Khai hoang ruộng lúa nước	13 xã trong huyện
4	DA tăng vụ	13 xã trong huyện
5	DA trồng lúa đặc sản	Nàn Sán, Nán Sín, Sín Chéng, Bản Mê
6	Phát triển rau an toàn	Cán Cấu, Sín Chải, Si Ma Cai, Bản Mê...
7	Phát triển cây thuốc lá	8 xã trong huyện
8	DA phát triển cây ăn quả	13 xã trong huyện
9	DA phát triển chăn nuôi	13 xã trong huyện
10	Bảo vệ rừng	13 xã trong huyện
11	Trồng rừng	13 xã trong huyện
12	DA trồng cây lâm nghiệp phân tán	13 xã trong huyện
13	Đầu tư vườn ươm, trạm bảo vệ rừng	Nàn Sán, Sín Chéng, Cán Cấu, Bản Mê, Mản Thân
14	Các DA khác về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản	Toàn huyện
II	SX công nghiệp - TTCN	
1	DA chế biến nông, lâm sản	Si Ma Cai, Nàn Sán,
2	DA chế biến thức ăn chăn nuôi	Si Ma Cai
3	DA đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Si Ma Cai, Sín Chéng, Cán Cấu
4	DA khai thác sắt Sán Chải, Cán Cấu	Sán Chải, Cán Cấu
5	DA khai thác đá	Si Ma Cai, Sín Chéng
6	DA khai thác cát	Bản Mê
7	DA sản xuất gạch không nung	Xã Si Ma Cai, Sín Chéng...
8	DA làng nghề SX ngói máng Sín Chéng	Sín Chéng
9	DA làng nghề thêu, dệt thổ cẩm Cán Cấu	Cán Cấu
10	DA đầu tư thủy điện Pa Ke xã Sán Chải	Sán Chải
11	Đầu tư hạ tầng cụm TTCN Nàn Sán	Xã Nàn Sán
12	Các DA khác về phát triển TTCN	Toàn huyện
III	Phát triển du lịch	
1	DA phát triển du lịch	Toàn huyện

B	CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI	
1	DA đào tạo lao động	Toàn huyện
2	DA bố trí lại dân cư	Toàn huyện
3	Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở	9 xã trong huyện
4	Các DA khác	
C	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG	
C1	Giao thông	
I	Đường quốc lộ	
1	Đường quốc lộ 4 đoạn Si Ma Cai - Lùng Phình	Si Ma Cai - Lử Thản
II	Đường tỉnh lộ	
1	Đường Sán Chải - Cán Hồ - Quan Thản Sán	3 xã
2	Đường Quan Thản Sán - Tả Van Chư	Quan Thản Sán
III	Đường đến TT xã, liên xã	
1	Đường quốc lộ 4 - Lùng Sui	Lùng Sui
2	Đường Trung tâm huyện (khu 16 ha) - Mản Thản	Si Ma Cai, Mản Thản
3	Đường quốc lộ 4 - Nàn Sán	Nàn Sán
4	Đường Cầu Hóa Chư Phùng - Sín Chéng - Nàn Sín	Mản Thản, Sín Chéng, Nàn Sín
5	Đường Sín Chéng - Thào Chư Phìn	Sín Chéng - Thào Chư Phìn
7	Đường giao thông Nà Mỏ - Cửa Cải xã Lùng Sui	Xã Lùng Sui
8	Đường vào hồ Cán Cấu - Tả Van Chư (Bắc Hà)	Cán Cấu
9	Đường Bản Mế (Si Ma Cai) - Hoàng Thu Phố (hướng song song bờ sông Chảy)	Bản Mế, Thào Chư Phìn, Sín Chéng, Nàn Sín
IV	Đường ra biên giới	
1	Đường Nàn Sán - Si Ma Cai - Sán Chải	3 xã
2	Đường Si Ma Cai - Bên Mảng	Xã Si Ma Cai
3	Đường Na Cáng - Sín Chải	Xã Si Ma Cai
V	Đường liên thôn (rải cấp phối)	
1	Đường Cán Cấu - Lù Dì Sán	Xã Si Ma Cai
2	Đường Na Cáng	Xã Si Ma Cai
3	Đường Nàng Cảng	Xã Si Ma Cai
4	Đường Sín Chải	Xã Si Ma Cai
5	Đường vào Trường PTDT Nội trú	Xã Si Ma Cai
6	Đường Seo Khai Hoá	Xã Sán Chải
7	Đường vào Tả Cán Hồ xã Sán Chải	Xã Sán Chải
8	Đường Hoa Sử Pan	Xã Sán Chải
9	Đường Sán Khố Sủ	Xã Sán Chải
10	Đường Lao Tỷ Phùng	Xã Sán Chải

11	Đường Hố Mù Chải	Xã Sán Chải
12	Đường vào thôn Chúng Chải	Xã Sán Chải
13	Đường vào thôn Chư Sang	Xã Cán Cấu
14	Đường Mù Tráng Phìn	Xã Cán Cấu
15	Đường trung tâm cụm xã Cán Cấu	Xã Cán Cấu
16	Đường Cán Chư Sủ	Xã Cán Cấu
17	Đường Hồ Cán Cấu	Xã Cán Cấu
18	Đường Lùng Sán	Xã Lùng Sui
19	Đường Lao Dìn Phàng	Xã Lùng Sui
20	Đường Nà Mồ Cái	Xã Lùng Sui
21	Đường Ta Pa Chải	Xã Lùng Sui
22	Đường Seng Sui	Xã Lùng Sui
23	Đường vào thôn Lênh Sui Thàng	Xã Lùng Sui
24	Đường Nà Chí	Xã Lùng Sui
25	Đường Sảng Chải	Xã Lử Thản
26	Đường Sẻ Lử Thản	Xã Lử Thản
27	Đường Chính Chu Phìn	Xã Lử Thản
28	Đường Đội 3	Xã Lử Thản
29	Đường Sả Nàng Cảng	Xã Lử Thản
30	Đường Đội 2	Xã Nàn Sán
31	Đường Đội 4	Xã Nàn Sán
32	Đường Cốc Coọc	Xã Bản Mé
33	Đường Bản Mé	Xã Bản Mé
34	Đường Cốc Ngê - Cốc Dế	Xã Bản Mé
35	Đường giao thông Na Pá - Sản Sín Pao	Xã Bản Mé
36	Đường thôn Khuấn Púng - Cốc Dế B	Xã Bản Mé
37	Đường Mào Sào Cấu	Xã Mản Thản
38	Đường vào thôn Sỉn Chù	Xã Mản Thản
39	Đường Mào Sào Phìn	Xá Sín Chéng
40	Đường Bản Kha - Phìn Chư III	Xá Sín Chéng
41	Đường Sín Pao Chải	Xá Sín Chéng
42	Đường vào thôn Tả Thàng xã Sín Chéng	Xá Sín Chéng
43	Đường Cầu Pì Chải	Xã Thào Chư Phìn
44	Đường Sán Chá - Khuấn Púng	Xã Thào Chư Phìn
45	Đường Sỉn Chù	Xã Thào Chư Phìn
46	Đường Phìn Chư 3	Xã Thào Chư Phìn
47	Đường TT xã - Cầu Pì Chải xã Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn
48	Đường Pù Chù Ván	Xã Cán Hồ

49	Đường Seo Cán Hồ	Xã Cán Hồ
50	Đường Sín Tân	Xã Cán Hồ
51	Đường Ngải Phóng Chồ	Xã Cán Hồ
52	Đường Sín Chải	Xã Quan Thần Sán
53	Đường Hố Sáo Chải	Xã Quan Thần Sán
54	Đường Nhù Cồ Ván	Xã Quan Thần Sán
55	Sín Chải - Ngải Phóng Chồ	Xã Quan Thần Sán
56	30 tuyến đường liên thôn	13 xã
VI	Các CT giao thông khác	
1	Đường ngõ xóm	13 xã
2	Đường ra đồng ruộng	13 xã
3	Bến xe khách	TT Si Ma Cai
4	Bến đò, bến tập kết hàng hóa và hành khách	Vùng ven sông Chảy
C2	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị (mặt bằng, đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng...)	
1	Mở rộng hạ tầng thị trấn Si Ma Cai	TT Si Ma Cai
2	Bổ sung hạ tầng trung tâm cụm xã Sín Chéng	Xã Sín Chéng
3	Bổ sung hạ tầng trung tâm cụm xã Cán Cấu	Xã Cán Cấu
C3	Thủy lợi	
1	Thuỷ lợi Pù Chù Ván Cán Hồ	Xã Cán Hồ
2	Thuỷ lợi Seo Cán Hồ	Xã Cán Hồ
3	TL thôn Tả Cán Hồ	Xã Cán Hồ
4	Thoát lũ cánh đồng Cán Hồ	Xã Cán Hồ
5	Thủy lợi Sẻ Mản Thần	Xã Mản Thần
6	TL Hoàng Thu Phố	Xã Mản Thần
7	TL+NSH Say Sán Phìn	Xã Mản Thần
8	TL Mản Thần	Xã Mản Thần
9	TL Hoàng Thu Phố A	Xã Mản Thần
10	TL Sảng Mản Thần	Xã Mản Thần
11	Thuỷ lợi Cán Cấu	Xã Cán Cấu
12	TL Mù Tráng Phìn	Xã Cán Cấu
14	Nâng cấp TL Cốc Phà	Xã Cán Cấu
15	TL Cán Cấu - Lênh Sui Thàng	Xã Cán Cấu
16	TL Cán Cấu 1	Xã Cán Cấu
17	Thuỷ lợi Chư Sang	Xã Cán Cấu
18	Hồ Cán Cấu	Xã Cán Cấu
19	TL Sẻ Nàng Cảng	Xã Lử Thần
20	Thuỷ lợi Sảng Chải 2	Xã Lử Thần

21	TL Chính Chư Phìn - Cán Chư Sǔ	Xã Lử Thǎn, xã Cán Cấu
22	TL Sẻ Nàng Cảng 2	Xã Lử Thǎn
23	NCTL Đội 3 Sảng Chải	Xã Lử Thǎn
27	TL Chính Chư Phìn	Xã Lử Thǎn
28	TL Na Khâu Chấn	Xã Nàn Sín
29	Thuỷ lợi Phìn Chư 3	Xã Nàn Sín
30	Thuỷ lợi Sáng Nùng	Xã Nàn Sín
31	TL Phìn Chư III	Xã Nàn Sín
32	TL Phìn Chư I	Xã Nàn Sín
33	TL Na Khâu Chấn - Phìn Chư 3	Xã Nàn Sín
34	TL Kháo Thò	Xã Nàn Sín
36	Thuỷ lợi Ta Pa Chải	Xã Lùng Sui
37	Thuỷ lợi Bản Giáng	Xã Lùng Sui
38	Thuỷ lợi Nà Mỏ	Xã Lùng Sui
39	TL Lùng Sán	Xã Lùng Sui
40	Thuỷ lợi Seng Sui	Xã Lùng Sui
41	Thuỷ lợi Cửa Cải - Ta Pa Chải	Xã Lùng Sui
42	Thuỷ lợi La Hờ	Xã Nàn Sán
43	TL Lúng Choáng	Xã Nàn Sán
44	TL Sảng Chải 3	Xã Nàn Sán
45	TL Quan Thần Súng	Xã Nàn Sán
46	TL Na Vái	Xã Nàn Sán
47	TL Dào Dần Sán	Xã Nàn Sán
48	TL Hồ Hoá Chư Phùng xã Nàn Sán (30a)	Xã Nàn Sán
49	TL Đội 3 xã Nàn Sán	Xã Nàn Sán
50	TL Ngải Phóng Chò - Chu Lìn Chò	Xã Sín Chéng
51	TL Tiêng Canh	Xã Sín Chéng
52	TL Sín Chải	Xã Sín Chéng
53	TL Ngải Phóng Chò	Xã Sín Chéng
54	Nâng cấp TL Ngải Phóng Chò - Sín Chải	Xã Sín Chéng
55	Thuỷ lợi Chu Lìn Chò	Xã Sín Chéng
56	Thuỷ lợi Sín Chải	Xã Sín Chéng
57	Thuỷ lợi Bản Kha	Xã Sín Chéng
58	Thuỷ lợi Bản Giáng	Xã Sín Chéng
59	Thuỷ lợi Mào Sao phìn	Xã Sín Chéng
60	TL Tả Thàng	Xã Sín Chéng
61	TL Tả Thàng 2 (khu dân cư mới: Lử Thǎn)	Xã Sín Chéng
62	Thuỷ lợi Sản Sín Pao, Na Pá	Xã Sín Chéng

63	Thuỷ lợi Cốc Dế	Xã Bản Mé
64	TL Na Pá	Xã Bản Mé
65	TL Cốc Nghê	Xã Bản Mé
66	TL Cốc Coọc	Xã Bản Mé
67	TL Na Hang	Xã Bản Mé
68	TL Bản Mé	Xã Bản Mé
69	TL Khuấn Púng	Xã Bản Mé
70	Thuỷ lợi Sín Chải	Xã Bản Mé
71	Thuỷ lợi Cốc Dế	Xã Bản Mé
72	Thuỷ lợi Hoá Chư Phùng 2	Xã Bản Mé
73	TL Lao Chải	Xã Quan Thần Sán
74	TL Nhìu Cồ Ván 1	Xã Quan Thần Sán
75	TL Mù Tráng Phìn - Bản Sỉn	Xã Quan Thần Sán
76	TL Bản Phìn 2	Xã Quan Thần Sán
77	Thuỷ lợi Nhìu Cồ Ván 2	Xã Quan Thần Sán
78	Thuỷ lợi Hồ Sáo Chải	Xã Quan Thần Sán
79	TL thôn Hố Tỉn	Xã Sán Chải
80	TL Lao Tỷ Phùng - Lù Dì Sán	Xã Sán Chải
81	TL Tả Cán Hò - Sán Chải	Xã Sán Chải
82	TL Na Cáng II	Xã Si Ma Cai
83	NC TL Na Cáng	Xã Si Ma Cai
84	Thuỷ lợi Sín Chải	Xã Si Ma Cai
85	TL 5 thôn Nàng Cảng - Gia khâu 1 + 2, Na Cáng, Trung Chải	Xã Si Ma Cai
86	TL Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn
87	TL thôn Sán Chá	Xã Thào Chư Phìn
88	TL Cầu Pi Chải	Xã Thào Chư Phìn
C4	Cáp nước sinh hoạt	
1	CNSH thôn Cốc Nghê	Xã Bản Mé
2	CNSH thôn Bản Mé	Xã Bản Mé
3	CNSH thôn Bản Mé II	Xã Bản Mé
4	Công trình cấp nước SH tập trung Bản Mé - Sín Chải	Xã Bản Mé
5	Công trình CNSH Phố Cũ, Phố Thầu, Phố Mới	Xã Si Ma Cai
6	CNSH Thôn Trung Chải, Na Cáng, Nàng Cảng	Xã Si Ma Cai
7	CNSH thôn Sín Chải	Xã Si Ma Cai
8	CNSH thôn Sảng Nàng Cảng I	Xã Lử Thần
9	CNSH thôn Sẻ Lử thần	Xã Lử Thần
10	CNSH thôn Đội 1 Sảng Chải	Xã Lử Thần

11	CNSH thôn Đội 3 Sảng Chải	Xã Lử Thản
12	CNSH thôn Tả Nàn Vồng	Xã Cán Hò
13	CNSH thôn Seo Cán Hò	Xã Cán Hò
14	CNSH thôn Pù Chù Ván + TT xã	Xã Cán Hò
15	CNSH các thôn xã Sán Chải	Xã Sán Chải
16	CNSH thôn Lu Dì Sán	Xã Sán Chải
17	CNSH thôn Sán Khô Sủ	Xã Sán Chải
18	CNSH thôn Nàn Sín	Xã Nàn Sín
19	CNSH thôn Sỉn Chù	Xã Nàn Sín
20	CNSH thôn Phìn Chư I	Xã Nàn Sín
21	CNSH thôn Phìn Chư II	Xã Nàn Sín
22	CNSH thôn Seng Sui	Xã Lùng Sui
23	CNSH thôn Lùng Sán	Xã Lùng Sui
24	CNSH thôn Nà Chí	Xã Lùng Sui
25	CNSH thôn Ta Pa Chải	Xã Lùng Sui
26	CNSH Sảng Chải 1+2+3+4	Xã Nàn Sán
27	CNSH Sảng Chải 5, Quan Thản Súng	Xã Nàn Sán
28	Công trình cấp nước Tả Chải	Xã Nàn Sán
29	CNSH Lũng Choáng, Hoá Chư Phùng	Xã Nàn Sán
30	CNSH Sẻ Mản Thản - Ngă Ba	Xã Mản Thản
31	CNSH Sẻ Mản Thản	Xã Mản Thản
32	CNSH thôn Say Sán Phìn, Sỉn Chù	Xã Mản Thản
33	CNSH thôn Hô Sáo Chải	Xã Thào Chư Phìn
34	CNSH thôn Thào Chư phìn	Xã Thào Chư Phìn
35	CNSH thôn Sán Chá	Xã Thào Chư Phìn
36	CNSH thôn Cán Chư Sử	Xã Cán Cấu
37	CNSH thôn Cốc Phà	Xã Cán Cấu
38	CNSH thôn Chư Sang	Xã Cán Cấu
39	CNSH Sản Sín Pao	Xã Sín Chéng
40	CNSH Mào Sao Phìn	Xã Sín Chéng
41	CNSH Mào Sao Chải	Xã Sín Chéng
42	CNSH Sừ Pà Phìn	Xã Quan Thản Sán
43	CNSH Sín Chải	Xã Quan Thản Sán
44	Nhà máy nước TT huyện	TT Si Ma Cai
C5	Cấp điện	
1	Mở rộng cáp điện xã Nàn Sán	Xã Nàn Sán
2	Mở rộng cáp điện xã Lử Thản	Xã Lử Thản
3	Mở rộng cáp điện xã Lùng Sui	Xã Lùng Sui

4	Mở rộng cấp điện xã Cán Cấu	Xã Cán Cấu
5	Mở rộng cấp điện xã Sán Chải	Xã Sán Chải
6	Mở rộng cấp điện xã Quan Thần Sán	Xã Quan Thần Sán
7	Mở rộng cấp điện xã Bản Mέ	Xã Bản Mέ
8	Mở rộng cấp điện xã Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn
9	Mở rộng cấp điện xã Sín Chéng	Sín Chéng
10	Mở rộng cấp điện xã Nàn Sín	Nàn Sín
C6	Hạ tầng thương mại	
1	Chợ trung tâm huyện Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai
2	Chợ du lịch Cán Cấu	Xã Cán Cấu
3	Chợ Sín Chéng	Xã Sín Chéng
4	Chợ Cốc Cù	Xã Bản Mέ
5	Chợ Bến Mảng	Xã Nàn Sán
6	Chợ xã	8 xã
7	Nâng cấp Cửa khẩu phụ Hóa Chư Phùng	Xã Nàn Sán
8	Cửa hàng thương nghiệp TT cụm xã Sín Chéng	TT cụm xã Sín Chéng
C7	Trường học	
1	Trường Mầm non Lử Thần	Xã Lử Thần
2	Trường THCS Lử Thần	Xã Lử Thần
3	Trường Mầm non Lùng Sui	Xã Lùng Sui
4	Trường Tiểu học Lùng Sui	Xã Lùng Sui
5	Trường THCS Lùng Sui	Xã Lùng Sui
6	Trường Mầm non Cán Cấu	Xã Cán Cấu
7	Trường Tiểu học Cán Cấu	Xã Cán Cấu
8	Trường Mầm non Sán Chải	Xã Sán Chải
9	Trường Tiểu học Sán Chải 1	Xã Sán Chải
10	Trường Tiểu học Sán Chải 2	Xã Sán Chải
11	Trường THCS Sán Chải	Xã Sán Chải
12	Trường Mầm non Cán Hồ	Xã Cán Hồ
13	Trường Tiểu học Cán Hồ	Xã Cán Hồ
14	Trường THCS Cán Hồ	Xã Cán Hồ
15	Trường Mầm non Quan Thần Sán	Xã Quan Thần Sán
16	Trường Tiểu học Quan Thần Sán	Xã Quan Thần Sán
17	Trường THCS Quan Thần Sán	Xã Quan Thần Sán
18	Trường Mầm non xã Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai
19	Trường Tiểu học xã Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai
20	Trường Mầm non Nàn Sán	Xã Nàn Sán
21	Trường Tiểu học Nàn Sán	Xã Nàn Sán

22	Trường THCS Nàn Sán	Xã Nàn Sán
23	Trường Mầm non Mản Thẩn	Xã Mản Thẩn
24	Trường Tiểu học Mản Thẩn	Xã Mản Thẩn
25	Trường THCS Mản Thẩn	Xã Mản Thẩn
26	Trường Mầm non Bản Mê	Xã Bản Mê
27	Trường Tiểu học Bản Mê	Xã Bản Mê
28	Trường THCS Bản Mê	Xã Bản Mê
29	Trường Mầm non Sín Chéng	Xã Sín Chéng
30	Trường Tiểu học Sín Chéng	Xã Sín Chéng
31	Trường THCS Sín Chéng	Xã Sín Chéng
32	Trường Mầm non Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn
33	Trường Tiểu học Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn
34	Trường Tiểu học Nàn Sín	Xã Nàn Sín
35	Nâng cấp Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú thành Trường PTDTNT THCS và THPT	TT Si Ma Cai
-	Xây dựng nhà lớp học	
-	Phòng học chức năng	
-	Ký túc xá	
-	Các hạng mục khác	
36	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	TT Si Ma Cai
37	Trung tâm Dạy nghề	TT Si Ma Cai
38	Xây dựng phòng học bộ môn, thí nghiệm, thư viện	14 xã, TT
39	Xây dựng phòng ở học sinh bán trú	14 xã, TT
C8	Đầu tư cho Y tế	
1	Nâng cấp các Trạm y tế xã	10 xã
2	Trạm Y tế xã Cán Cấu	xã Cán Cấu
3	Trạm Y tế xã Si Ma Cai	xã Si Ma Cai
4	Trạm Y tế xã Sín Chéng	xã Sín Chéng
5	Nâng cấp bệnh viện huyện	TT huyện
C9	Hỗ trợ cho văn hóa - thể thao, phát thanh - truyền hình	
1	Nhà văn hóa xã	14 xã, TT
2	Trung tâm VH huyện	TT huyện
3	Nhà văn hóa thôn, bản	13 xã
4	Trung tâm thể thao huyện	TT huyện
5	Sân thể thao cấp xã	13 xã
7	Nâng cấp Đài PT - TH huyện	TT huyện
9	Nâng cấp Trạm PT - TH trung tâm cụm xã Cán Cấu	Cán Cấu
11	Nâng cấp Trạm PT - TH trung tâm cụm xã Sín Chéng	Sín Chéng

13	Nâng cấp Trạm PT - TH xã Nàn Sán	Nàn Sán
C10	Trụ sở xã	
1	Thị trấn Si Ma Cai	TT Si Ma Cai
-	<i>Nhà làm việc</i>	
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ, ngoại thất</i>	
2	Xã Lử Thần	Xã Lử Thần
-	<i>Nhà làm việc</i>	
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
3	Xã Lùng Sui	Xã Lùng Sui
-	<i>Nhà làm việc</i>	
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
4	Xã Nàn Sán	Xã Nàn Sán
-	<i>Nhà làm việc</i>	
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
5	Xã Nàn Sín	Xã Nàn Sín
-	<i>Nhà làm việc</i>	
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
6	Xã Cán Cầu	Xã Cán Cầu
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
7	Xã Sán Chải	Xã Sán Chải
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
8	Xã Quan Thần Sán	Xã Quan Thần Sán
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
9	Xã Cán Hồ	Xã Cán Hồ
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
10	Xã Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
11	Xã Bản Mέ	Xã Bản Mέ

-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
12	Xã Mản Thǎn	Xã Mản Thǎn
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
13	Xã Sín Chéng	Xã Sín Chéng
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ UBND xã</i>	
14	Xã Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn
-	<i>Hội trường</i>	
-	<i>Công trình phụ trợ</i>	
C11	Nghĩa trang, nghĩa địa	
1	Nghĩa trang nhân dân Trung tâm huyện	TT huyện
2	Nghĩa trang, nghĩa địa các xã	13 xã

* **Ghi chú:** Về vị trí cụ thể, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tuỳ thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.